

Bản án số: **24/2022/HS-ST**

Ngày: 13 – 4 – 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Nam và bà Hồ Thị Vân Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Quang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Phan Đình B1; Sinh ngày 12/02/1998 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Phòng 51-H2, KV 5, phường S1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Đình D2, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1974; Vợ là Mai Thị H4, sinh năm 1999; con: Có 01 con sinh năm 2016; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị tạm giam từ ngày 26/10/2021 đến nay; có mặt.

2. Lê Kim H1; Sinh ngày 21/10/1997 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Tổ 7, KV 3, phường S1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Kim B2, sinh năm 1962 và bà Lê Thị T1, sinh năm 1961; Vợ, con: Chưa có; tiền sự: không; tiền án: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Trần Quang V1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn F1, xã C2, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Lê Thị B5, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ2, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Anh Văn Đình T5, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn CN, xã C2, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Trần Văn X1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn Đông Phú, xã Phong Bình, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

5. Bà Ngô Thị Y3, sinh năm 1975; Địa chỉ: 39 đường Q1, phường R1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Huỳnh Văn Nhị, sinh năm 1975; trú tại: Tổ 5, KV 3, phường S1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

2. Bà Huỳnh Ngọc Anh, sinh năm 1976; trú tại: Tổ 5, KV 3, phường S1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

3. Anh Hoàng Phi A1, sinh năm 2001; trú tại: thôn Bình An, xã Phong Xuân, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Xuân T5, sinh năm 2001; trú tại: Tổ 13, KV 5, phường S1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 07/10/2021 đến ngày 23/10/2021, Phan Đình B1 đã tự mình thực hiện và cùng với Lê Kim H1 thực hiện các vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố H và huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 07/10/2021, B1 từ nhà đi xe bus về quê ở xã Đ2, huyện P1 để thắp hương cho em gái. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi B1 đi bộ trên đường bê tông liên thôn 2, xã Đ2, thấy có 01 xe mô tô Wave, biển kiểm soát: 75F4-2048 của bà Lê Thị B5 đang dừng ở trước sân nhà chị Yến, đối diện với nhà bà B5. Quan sát thấy không có người trông coi, trên xe còn cầm chìa khóa, B1 lén lút lấy trộm, nổ máy chạy đến nương nước xóm chùa ở thôn 1, xã Đ2. Tại đây, B1 phát hiện có xe mô tô hiệu Wave, màu đỏ, biển kiểm soát 75C1-043.59 (xe của anh Văn Đình T5, sinh năm 1985, trú: thôn Chính An, xã C2, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế) đang dựng bên đường, chìa khóa cắm sẵn trên xe. Quan sát thấy không có người trông coi, B1 bỏ lại xe Wave của bà B5 rồi lén lút lấy trộm xe Wave biển kiểm soát 75C1-043.59 chạy về nhà cất giấu tại khu vực 5, phường S1, thành phố H. Ngày 08/10/2021, Bình gặp Lê Kim H1, nói dối xe nhà mình bị mất giấy tờ, nhờ H1 đem xe 75C1-043.59 đi cầm. H1 tin lời B1 nói nên đã đưa xe đến cầm cố tại nhà của anh Huỳnh Ngọc Anh lấy số tiền 3.000.000 đồng. Sau đó, B1 gặp Nguyễn Xuân T5 làm nghề mua bán xe máy cũ hỏi bán xe 75C1-043.59, B1 nói dối với T5 là xe nhà đang cầm cố cần bán, T5 tin lời của B1 nên đồng ý mua. B1 nói với T5 xe 75C1-043.59 đang nhờ H1 đi cầm và nói với T5 liên hệ gặp H1 để đưa tiền lấy xe. Ngày 18/10/2021, Nguyễn Xuân T5 đã liên hệ với Hoàng Phi A1 làm nghề mua bán xe máy cũ đến để mua. Lê Kim H1 cùng Nguyễn Xuân T5, Hoàng Phi A1 đã đến nhà anh Huỳnh Ngọc Anh thỏa thuận mua xe với giá 3.200.000 đồng, A1 trả tiền mua xe đưa về nhà. Đến ngày 19/10/2021, tại bến xe phía Nam, thành phố H, tỉnh Thừa

Thiên Huế, A1 đã bán xe mô tô 75C1- 043.59 cho một người đàn ông không biết rõ nhân thân, lai lịch với số tiền 3.500.000 đồng.

Tại bản kết luận số:15/KL-HĐĐGTS ngày 10 tháng 11 năm 2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P1 kết luận: 01 (một) xe mô tô Biển kiểm soát: 75F4-2048, số máy: 152FMH-00341179; số khung: XCHLL3Y-1041179, nhãn hiệu WANA, số loại: C110, màu xanh, xe đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị: 500.000 đồng; 01 (một) xe mô tô Biển kiểm soát: 75C1-043.59, số máy: C12 149201; số khung: 207BY-349125, nhãn hiệu HONDA, số loại: Wave, màu: Đỏ- Đen-Bạc, xe đã qua sử dụng, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị: 3.000.000 đồng. Tổng tài sản trộm cắp được có giá trị 3.500.000 đồng.

- **Vật chứng thu giữ:** 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 75F4-2048, số máy: 152FMH-00341179; số khung: XCHLL3Y-1041179, nhãn hiệu WANA, số loại: C110, màu xanh do Văn Đình T5 giao nộp.

- **Xử lý vật chứng:** Ngày 17/12/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện P1 đã ra quyết định xử lý vật chứng số 18 trả lại: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 75F4-2048, số máy: 152FMH-00341179; số khung: XCHLL3Y-1041179, nhãn hiệu WANA, số loại: C110, màu xanh cho chủ sở hữu hợp pháp bà Lê Thị B5.

- **Về trách nhiệm dân sự:**

Bị hại Văn Đình T5 yêu cầu Phan Đình B1 bồi thường số tiền: 5.000.000 đồng đối với xe mô tô biển số 75C1-043.59 bị chiếm đoạt, bán đi không thu hồi được.

Bị hại Lê Thị B5 đã nhận lại xe mô tô biển số 75F4-2048 và không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Vụ thứ 2: Khoảng 16 giờ ngày 09/10/2021, Phan Đình B1 rủ Lê Kim H1 ra huyện P1 để trộm cắp tài sản, H1 đồng ý. B1 chạy xe mô tô hiệu Smart, màu đỏ (xe của Sang bạn B1 ở cùng chung cư, không nhớ biển số), chở H1 ra huyện P1 theo hướng Huế - Sịa - Tỉnh lộ 4 lên xã C2, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến trước rạp hò thuộc thôn Mỹ Phú, xã C2, huyện P1 thấy có một xe mô tô 75C1- 063.76 (xe của anh Trần Quang V1, sinh năm 1970, trú tại: thôn Mỹ Phú, xã C2, huyện P1), trên xe có cấm chìa khóa. B1 dừng xe cách rạp hò khoảng 5 (năm) mét, giao xe lại cho H1 đứng cạnh giới, rồi lén lút đến lấy trộm chiếc xe mô tô 75C1-063.76, nổ máy chạy xe về cất giấu tại chung cư nơi B1 ở.

Ngày 10/10/2021, thông qua Nguyễn Xuân T5, B1 đã bán chiếc xe mô tô 75C1- 063.76 cho Hoàng Phi A1 lấy số tiền 2.200.000 đồng. Khi bán xe, B1 có viết giấy và cam kết xe không phải do trộm cắp mà có. Số tiền có được B1 đã tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận số: 15/KL-HĐĐGTS ngày 10 tháng 11 năm 2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P1 kết luận: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 75C1- 063.76, số máy: 5B94-139887, số khung: 40CY-139887, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: Jupiter, màu: Đỏ - Đen, xe mô tô đã qua sử dụng, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị: 8.000.000 đồng.

*** Vật chứng thu giữ:** 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 75C1- 063.76, số máy: 5B94-139887, số khung: 40CY-139887, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: Jupiter, màu: Đỏ - Đen; 01 (một) giấy bán xe Phan Đình B1 viết bán xe máy Jupiter 75C1-063.76 do Hoàng Phi A1 giao nộp, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh chuyển theo hồ sơ vụ án.

*** Xử lý vật chứng:** Ngày 17/12/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện P1 đã ra quyết định xử lý vật chứng số 17 trả lại: 01 (một) xe máy nhãn hiệu Yamaha, số loại: Jupiter màu đỏ đen, biển số 75C1- 063.76, số máy: 5B94-139887, số khung: 40CY-139887 cho chủ sở hữu hợp pháp ông Trần Quang V1.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại Trần Quang V1 đã nhận lại xe mô tô Jupiter biển số 75C1-063.76 và không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Vụ thứ 3: Khoảng 15 giờ ngày 23/10/2021, Phan Đình B1 đến số nhà 39 Nguyễn Chí Diểu, phường R1, thành phố H thuê phòng trọ. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, B1 phát hiện phòng trọ của ông Trần Văn X1 không khóa, ông X1 đi vắng. B1 vào phòng lấy trộm tài sản gồm: 01 đầu âm ly kèm 02 Micro hãng UHF, model: KU-38, 01 lap top hiệu Toshiba, màu đen và 01 kính lúp, B1 bỏ số tài sản này vào 01 ba lô đưa về phòng trọ cất giấu. Sau đó, B1 tiếp tục xuống nhà giữ xe của nhà trọ lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, màu trắng đỏ đen, biển kiểm soát: 75B1- 001.90 (xe của bà Ngô Thị Y3, sinh năm 1975, trú tại: 39 Nguyễn Chí Diểu, phường R1, thành phố H); B1 dắt bộ xe đến chợ Xép đường Ngô Đức Kế, phường Thuận Lộc, thành phố H giấu xe trong 01 con hẻm ở đó. B1 đưa những tài sản đã lấy trộm trước đó của anh X1 về nhà tại phường S1, thành phố H. Đến 10 giờ ngày 24/10/2021, B1 quay lại lấy chiếc xe mô tô mà mình đã giấu tại chợ Xép, dùng chìa khóa khác nổ máy chạy về nhà. Sau đó, B1 bán laptop Toshiba cho một nam thanh niên (không rõ lai lịch nhân thân) lấy 150.000 đồng, bộ âm ly và micro bán cho anh Huỳnh Văn Nhị lấy số tiền 200.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận số: 260/KL-HĐĐTGS ngày 26 tháng 10 năm 2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố H kết luận: 01 (một) mô tô hiệu Honda Wave, Biển kiểm soát 75B1-001.90, Số khung: 4329BY027394, số máy: JC43E5931673 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là: 5.000.000 đồng; 01 (một) đầu âm ly kèm theo 02 (hai) Micro hãng UHF, model: KU-38 có giá trị là: 400.000 đồng; 01 (một) kính lúp có giá trị là: 20.000 đồng; 01 (một) ba lô, màu đen, có sọc chéo màu đỏ có giá trị là: 30.000 đồng; 01 (một) máy tính lap top hiệu Toshiba, màu đen, định giá qua hồ sơ có giá trị: 300.000 đồng. Tổng tài sản trộm cắp được có giá trị 5.750.000 đồng.

*** Vật chứng thu giữ:**

+ 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 75B1-001.90; 01 ba lô màu đen có sọc chéo màu đỏ và 01 kính lúp thu giữ từ Phan Đình B1.

+ 01 đầu thu Delta KU 38 bằng kim loại hình chữ nhật có kích thước 44 × 20 × 4cm và 02 micro màu bạc do Huỳnh Văn Nhị giao nộp.

*** Xử lý vật chứng:**

Ngày 14/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra quyết định xử lý vật chứng số 236 và 337:

+ Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp bà Ngô Thị Y3: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 75B1-001.90, số khung: 4329BY027394, số máy: JC43E5931673.

+ Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp ông Trần Văn X1: 01 (một) đầu âm ly kèm theo 02(hai) Micro hãng UHF, model: KU-38; 01 (một) kính lúp và 01 (một) ba lô, màu đen, có sọc chéo màu đỏ.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

- Bị hại Trần Văn X1 yêu cầu Phan Đình B1 bồi thường số tiền 300.000 đồng đối với 01 máy tính lap top hiệu Toshiba, màu đen.

- Bị hại Ngô Thị Y3 đã nhận lại xe mô tô 75B1-001.90 nên không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Đối với hành vi của những người có liên quan: Lê Kim H1 đã giúp B1 đưa xe mô tô 75C1- 043.59 đi cầm và bán; Hoàng Ngọc Anh (Nhỏ) nhận cầm cố xe mô tô 75C1- 043.59 từ Lê Kim H1; Nguyễn Xuân T5, Hoàng Phi A1 khi mua xe 75C1- 043.59 do Phan Đình B1 bán thông qua Lê Kim H1 hoàn toàn không biết xe mô tô này do B1 phạm tội mà có, nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với những người này về hành vi nêu trên.

Quá trình điều tra, các bị can đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS-P2 ngày 25/01/2022, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo Phan Đình B1 và Lê Kim H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phan Đình B1 và Lê Kim H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 173; các điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt: bị cáo Phan Đình B1 từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt: Bị cáo Lê Kim H1 từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586 và 589 của Bộ luật Dân sự để buộc bị cáo B1 phải bồi thường cho anh Văn Đình T5 số tiền 3.000.000 đồng; ông Trần Văn X1 số tiền 300.000 đồng.

Về án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Đình B1 và Lê Kim H1 khai nhận: Từ ngày 07/10/2021 đến ngày 23/10/2021 tại huyện P1 và thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Phan Đình B1 đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản với tổng tài sản chiếm đoạt được có giá trị: 17.250.000 đồng. Lê Kim H1 tham gia cùng Phan Đình B1 thực hiện 01 vụ trộm cắp với giá trị tài sản chiếm đoạt là 8.000.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố các bị cáo Phan Đình B1 và Lê Kim H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tạo dư luận xấu, gây bức xúc trong xã hội và hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo Phan Đình B1 thực hiện liên tiếp nhiều vụ trộm cắp tài sản trên nhiều địa bàn trong tỉnh Thừa Thiên Huế. Điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo.

Xét vai trò của các bị cáo trong hành vi phạm tội thấy rằng: Trong 03 vụ trộm cắp, bị cáo B1 thực hiện hành vi trộm cắp 02 vụ một mình và cùng với bị cáo H1 thực hiện 01 vụ, trong đó Phan Đình B1 là người rủ rê, khởi xướng, đồng phạm có tính chất giản đơn, cả 2 không có bàn bạc, phân công nhiệm vụ thực hiện hành vi phạm tội.

- Đối với bị cáo Phan Đình B1: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo; tự thú về hành vi phạm tội của mình là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo Phan Đình B1 đã phạm tội từ hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử nhận thấy phải xử phạt hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, để bảo đảm giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

- Đối với bị cáo Lê Kim H1: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không phạm vào tình tình tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Vì vậy, không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm mà tạo điều kiện cho bị cáo lao động tại cộng đồng và chứng tỏ sự hối cải, hoàn lương của mình ngay trong môi trường xã hội bình thường, nên xử phạt bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo theo như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Văn Đình T5 yêu cầu Phan Đình B1 bồi thường số tiền: 5.000.000 đồng đối với xe mô tô biển số 75C1-043.59 bị chiếm đoạt, bán đi không thu hồi được. Tại bản kết luận số:15/KL-HĐĐGTS ngày 10 tháng 11 năm 2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P1 kết luận: 01 (một) xe mô tô Biển kiểm soát: 75C1-043.59, số máy: C12 149201; số khung: 207BY-349125, nhãn hiệu HONDA, số loại: Wave, màu: Đỏ- Đen-Bạc, xe đã qua sử dụng, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị: 3.000.000 đồng. Vì vậy, buộc bị cáo B1 phải bồi thường cho anh T5 3.000.000 đồng.

- Bị hại Trần Văn X1 yêu cầu Phan Đình B1 bồi thường số tiền 300.000 đồng đối với 01 máy tính lap top hiệu Toshiba, màu đen. Nên chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phan Đình B1 phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Đình B1 và Lê Kim H1 đều phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; các điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt: bị cáo Phan Đình B1 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giam 26/10/2021.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt: bị cáo Lê Kim H1 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Kim H1 cho Ủy ban nhân dân phường S1, thành phố H giám sát, giáo dục người được hưởng án treo để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, 93 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp hình phạt với bản án trước theo quy định tại Điều 55, 56 Bộ luật hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586 và 589 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Phan Đình B1 phải bồi thường cho anh Văn Đình T5 số tiền 3.000.000 đồng; ông Trần Văn X1 số tiền 300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản lãi, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Phan Đình B1 và Lê Kim H1 mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Phan Đình B1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TT-Huế;
- Công an tỉnh TT-Huế;
- Cục THADS tỉnh TT-Huế;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hồng Vân